

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Châu.

2. Ông Bùi Quốc Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc Phương T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B M, xã M, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Phan Công L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A M, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Ngọc Phương T trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2021 bà và ông Phan Công L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2021.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp B M, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng

về quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông L có 01 con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 27/4/2021. Hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 18/11/2025, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Công L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống và điều kiện kết hôn.

Ông và bà T kết hôn với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2021.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp B M, xã M, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 27/4/2021. Hiện con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Nguyên đơn bà Võ Ngọc Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Công L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Ngọc Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Công L, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là ông Phan Công L có địa chỉ cư trú tại ấp A M, xã M, tỉnh Tây Ninh. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm

của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Võ Ngọc Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Công L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Võ Ngọc Phương T và ông Phan Công Lý D quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2021, hôn nhân của bà T và ông L là hợp pháp. Bà T và ông Lý D quen biết và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà T, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Ông L xác định do bất đồng về quan điểm sống, ông và bà T đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Ông L xét thấy khả năng hàn gắn, đoàn tụ không có nên ông cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của bà T và ông L là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông L xác định quá trình chung sống bà T, ông L có 01 con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 27/4/2021, bà T và ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu Ý sống cùng bà T từ lúc sinh ra cho đến nay, bà T đang kinh doanh buôn bán tạp hóa nên bà T có điều kiện sắp xếp thời gian để chăm sóc, đưa đón cháu Ý đi học, đảm bảo cho cháu Ý phát triển tốt, trong khi đó ông L có công việc lái xe cầu thuê, thời gian làm việc bắt đầu từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ nên việc sắp xếp thời gian đưa đón, chăm sóc cháu Ý bị hạn chế. Do đó, xét về điều kiện chăm sóc, kinh tế và để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Ý, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận, yêu cầu nuôi con chung của ông L là không có sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Võ Ngọc Phương T và ông Phan Công L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc Phương T đối với bị đơn ông Phan Công L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Ngọc Phương T và ông Phan Công L.

1.2. Về nuôi con chung: Bà Võ Ngọc Phương T và ông Phan Công L có 01 (Một) con chung là Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 27/4/2021. Giao con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 27/4/2021 cho bà Võ Ngọc Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí:

2.1. Bà Võ Ngọc Phương T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011701 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. H lại cho bà Võ Ngọc Phương T số tiền 225.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

2.2. Ông Phan Công L phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Mỹ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo